

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 23 tháng 05 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “thuê đơn vị Cung cấp dịch vụ Kiểm tra, bảo dưỡng các thang máy của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2025”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua “Thuê đơn vị Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng các thang máy của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2025”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Tháng 07 năm 2025.
3. Địa điểm thực hiện: NMNĐ Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 28/05/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng KTATMT- NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: damct@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hanhxx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

• **Ghi chú:**

- Nhà thầu có thể đăng ký đến Nhà máy khảo sát hệ thống thang máy tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 để báo giá tốt nhất.
- Các đơn vị quan tâm vui lòng liên hệ đăng ký lịch làm việc trước khi đến Nhà máy. Thông tin liên hệ ông Cao Thanh Đạm, SĐT 0902.523.545.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1: (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (C.T.Đ).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC
(Đính kèm công văn số...../ NMĐSH1-KTATMT ngày 23/ 05/2025)

I. CUNG CẤP DỊCH VỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO

I.1 KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG					
STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
1	Kiểm tra bảo dưỡng thang máy 1 tháng 1 lần				
1.1	Thang máy Nhà Admin: Mã hiệu: DDE-F1000 – 2CO1000 – 60mpm – 03Stop Số điểm dừng: 3 Tải trọng (kg): 1000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 01 năm 2022 Độ cao hành trình: 9000 mm	1	12	4	
1.1.1	- Khoá cửa và cửa sổ. - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy. - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy - Vệ sinh phòng máy				
1.1.2	- Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò xì, rỉ sét, lỏng lẻo, biến dạng...) - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện - Vệ sinh tủ điện				
1.1.3	- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển. - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...). - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.				
1.1.4	- Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị. - Sự hoạt động của các nút gọi tầng. - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng				
1.1.5	Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.				
1.1.6	Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp				
1.1.7	Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang				
1.1.8	Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn				
1.1.9	- Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock. - Vệ sinh, cân chỉnh các khoá door lock				
1.1.10	- Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. - Kiểm tra các đầu dây.				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
1.1.11	- Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi. - Kiểm tra tín hiệu ánh sáng. - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.				
1.1.12	Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)				
1.2	Thang máy lò S1 Mã hiệu: MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING Số điểm dừng: 10 Tải trọng (kg): 2000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Độ cao hành trình: 96200 mm Thời gian vận hành lần đầu: tháng 11 năm 2020	1	12	4	
1.2.1	- Khoá cửa và cửa sổ. - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy. - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy - Vệ sinh phòng máy				
1.2.2	- Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò rỉ, rỉ sét, lỏng lẻo, biến dạng...) - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện - Vệ sinh tủ điện				
1.2.3	- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển. - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...). - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.				
1.2.4	- Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị. - Sự hoạt động của các nút gọi tầng. - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng				
1.2.5	Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.				
1.2.6	Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp				
1.2.7	Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang				
1.2.8	Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn				
1.2.9	- Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock. - Vệ sinh, căn chỉnh các khoá door lock				
1.2.10	- Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. - Kiểm tra các đầu dây.				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
1.2.11	- Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi. - Kiểm tra tín hiệu ánh sáng. - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.				
1.2.12	Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)				
1.3	Thang máy lò S2: Mã hiệu: MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING Số lượng: 02 Số điểm dừng: 10 Tải trọng (kg): 2000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Độ cao hành trình: 96200 mm Thời gian vận hành lần đầu: tháng 12 năm 2020	1	12	4	
1.3.1	- Khoá cửa và cửa sổ. - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy. - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy - Vệ sinh phòng máy				
1.3.2	- Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò rỉ, rỉ sét, lỏng lẻo, biến dạng...) - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện - Vệ sinh tủ điện				
1.3.3	- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển. - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...). - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.				
1.3.4	- Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị. - Sự hoạt động của các nút gọi tầng. - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng của tầng				
1.3.5	Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.				
1.3.6	Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp				
1.3.7	Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang				
1.3.8	Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn				
1.3.9	- Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock. - Vệ sinh, cân chỉnh các khoá door lock				
1.3.10	- Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. - Kiểm tra các đầu dây.				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
1.3.11	- Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi. - Kiểm tra tín hiệu ánh sáng. - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.				
1.3.12	Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)				
1.4	Thang máy ống khói: Mã hiệu: (STROS) NOV 412 UP Số lượng: 01 Số điểm dừng: 05 Tải trọng (kg): 400 Độ cao hành trình: 178,2 m Vận tốc định mức (m/s): 0.5 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 7 năm 2020	1	12	4	
1.4.1	- Khoá cửa và cửa sổ. - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy. - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong khoang máy - Vệ sinh khoang máy				
1.4.2	- Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò rỉ, rỉ sét, lỏng lẻo, biến dạng...) - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện - Vệ sinh tủ điện				
1.4.3	- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển. - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...). - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.				
1.4.4	- Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị. - Sự hoạt động của các nút gọi tầng. - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng				
1.4.5	Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.				
1.4.6	Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp				
1.4.7	Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn				
1.4.8	- Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock. - Vệ sinh, căn chỉnh các khoá door lock				
1.4.9	- Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. - Kiểm tra các đầu dây.				
1.4.10	- Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi. - Kiểm tra tín hiệu ánh sáng. - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.				
1.4.11	Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
1.5	Thang máy nhà CCB Mã hiệu: DDE-F3000 – 4CO2000 – 04Stop Số lượng: 01 Số điểm dừng: 04 Tải trọng (kg): 3000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 11 năm 2019 Độ cao hành trình: 16.200 mm	1	12	4	
1.5.1	- Khoá cửa và cửa sổ. - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy. - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy - Vệ sinh phòng máy				
1.5.2	- Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò xì, rỉ sét, lỏng lẻo, biến dạng...) - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện - Vệ sinh tủ điện				
1.5.3	- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển. - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...). - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.				
1.5.4	- Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị. - Sự hoạt động của các nút gọi tầng. - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng				
1.5.5	Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.				
1.5.6	Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiệt hệ thống liên lạc khẩn cấp				
1.5.7	Kiểm tra đèn dây cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang				
1.5.8	Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn				
1.5.9	- Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock. - Vệ sinh, cân chỉnh các khoá door lock				
1.5.10	- Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. - Kiểm tra các đầu dây.				
1.5.11	- Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi. - Kiểm tra tín hiệu ánh sáng. - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.				
1.5.12	Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2	Kiểm tra bảo dưỡng thang máy 3 tháng 1 lần				
2.1	Thang máy Nhà Admin: Mã hiệu: DDE-F1000 – 2CO1000 – 60mpm – 03Stop Số điểm dừng: 3 Tải trọng (kg): 1000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 01 năm 2022 Độ cao hành trình: 9000 mm	1	2	10	
2.1.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phân tạ văng, pully				
2.1.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
2.1.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
2.1.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
2.1.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng ràn, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				
2.1.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bổ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng				
2.1.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
2.1.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
2.1.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
2.1.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
2.1.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
2.1.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
2.1.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
2.1.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
2.1.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2.1.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
2.1.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
2.1.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
2.1.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
2.1.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
2.1.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
2.1.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
2.1.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
2.2	Thang máy lò S1 Mã hiệu: MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING Số điểm dừng: 10 Tải trọng (kg): 2000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Độ cao hành trình: 96200 mm Thời gian vận hành lần đầu: tháng 11 năm 2020	1	2	10	
2.2.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully				
2.2.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
2.2.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
2.2.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
2.2.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				
2.2.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng				
2.2.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
2.2.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2.2.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
2.2.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
2.2.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
2.2.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
2.2.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
2.2.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
2.2.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
2.2.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
2.2.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
2.2.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
2.2.19	Bulông định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
2.2.20	Kiểm tra bố thắng có bị mòn, độ dày bố thắng, khe hở bố thắng				
2.2.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
2.2.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
2.2.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				



STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2.3	Thang máy lò S2: Mã hiệu: MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING Số lượng: 02 Số điểm dừng: 10 Tải trọng (kg): 2000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Độ cao hành trình: 96200 mm Thời gian vận hành lần đầu: tháng 12 năm 2020	1	2	10	
2.3.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully				
2.3.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
2.3.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
2.3.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
2.3.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				
2.3.6	Tất cả các chốt thẳng, lò xo thẳng, bổ thẳng, trống thẳng, càn thẳng, công tắc thẳng				
2.3.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
2.3.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
2.3.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
2.3.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
2.3.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
2.3.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
2.3.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail.				
2.3.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thẳng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
2.3.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2.3.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
2.3.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
2.3.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
2.3.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
2.3.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
2.3.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
2.3.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
2.3.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
2.4	Thang máy ống khói: Mã hiệu: (STROS) NOV 412 UP Số lượng: 01 Số điểm dừng: 05 Tải trọng (kg): 400 Độ cao hành trình: 178,2 m Vận tốc định mức (m/s): 0.5 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 7 năm 2020	1	2	10	
2.4.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully				
2.4.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail của car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
2.4.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
2.4.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
2.4.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				
2.4.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng				
2.4.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
2.4.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2.4.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kều khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
2.4.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
2.4.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
2.4.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
2.4.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
2.4.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pulley cable, bạc đạn pulley, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
2.4.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
2.4.15	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
2.4.17	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pulley, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
2.4.18	Bulong định vị, đèn dây cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
2.4.19	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
2.4.20	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
2.4.21	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
2.4.22	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
2.5	Thang máy nhà CCB Mã hiệu: DDE-F3000 – 4CO2000 – 04Stop Số lượng: 01 Số điểm dừng: 04 Tải trọng (kg): 3000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 11 năm 2019 Độ cao hành trình: 16.200 mm	1	2	10	
2.5.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pulley				
2.5.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pulley cửa, dây curoa cửa, ...				
2.5.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				



STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
2.5.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
2.5.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càng chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt xích				
2.5.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càng thắng, công tắc thắng				
2.5.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
2.5.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
2.5.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
2.5.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
2.5.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
2.5.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
2.5.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
2.5.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
2.5.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
2.5.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
2.5.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
2.5.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
2.5.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
2.5.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
2.5.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
2.5.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
2.5.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3	Kiểm tra bảo dưỡng thang máy 6 tháng 1 lần				
3.1	Thang máy Nhà Admin: Mã hiệu: DDE-F1000 – 2CO1000 – 60mpm – 03Stop Số điểm dừng: 3 Tải trọng (kg): 1000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 01 năm 2022 Độ cao hành trình: 9000 mm	1	2	10	
3.1.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully				
3.1.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
3.1.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
3.1.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
3.1.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt xích				
3.1.6	Tắt cả các chốt thắng, lò xo thắng, bổ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng				
3.1.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
3.1.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
3.1.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
3.1.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
3.1.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
3.1.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
3.1.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail.				
3.1.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
3.1.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3.1.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
3.1.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
3.1.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, puly, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
3.1.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
3.1.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
3.1.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
3.1.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
3.1.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
3.1.24	Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)				
3.2	Thang máy lò S1 Mã hiệu: MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING Số điểm dừng: 10 Tải trọng (kg): 2000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Độ cao hành trình: 96200 mm Thời gian vận hành lần đầu: tháng 11 năm 2020				
3.2.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, puly				
3.2.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các puly cửa, dây curoa cửa, ...				
3.2.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
3.2.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
3.2.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, puly, hộp đầu dây, tiếng rần, cang chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				
3.2.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, cang thắng, công tắc thắng				
3.2.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
3.2.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				



STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3.2.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
3.2.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
3.2.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
3.2.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
3.2.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
3.2.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pulley cable, bạc đạn pulley, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
3.2.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
3.2.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
3.2.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
3.2.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pulley, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
3.2.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
3.2.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
3.2.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
3.2.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
3.2.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
3.2.24	Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)				
3.3	Thang máy lò S2: Mã hiệu: MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING Số lượng: 02 Số điểm dừng: 10 Tải trọng (kg): 2000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Độ cao hành trình: 96200 mm Thời gian vận hành lần đầu: tháng 12 năm 2020	1	2	10	
3.3.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pulley				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3.3.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
3.3.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
3.3.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
3.3.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				
3.3.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng				
3.3.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
3.3.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
3.3.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
3.3.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
3.3.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
3.3.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
3.3.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
3.3.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
3.3.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
3.3.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
3.3.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
3.3.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
3.3.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3.3.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
3.3.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
3.3.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
3.3.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
3.3.24	Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)				
3.4	Thang máy ống khói: Mã hiệu: (STROS) NOV 412 UP Số lượng: 01 Số điểm dừng: 05 Tải trọng (kg): 400 Độ cao hành trình: 178,2 m Vận tốc định mức (m/s): 0.5 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 7 năm 2020	1	2	10	
3.4.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully				
3.4.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
3.4.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
3.4.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
3.4.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt xích				
3.4.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng				
3.4.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
3.4.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
3.4.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kê khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
3.4.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
3.4.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
3.4.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				



STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3.4.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,				
3.4.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
3.4.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
3.4.16	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
3.4.17	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
3.4.18	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
3.4.19	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
3.4.20	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
3.4.21	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
3.4.22	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
3.4.23	Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)				
3.5	Thang máy nhà CCB Mã hiệu: DDE-F3000 – 4CO2000 – 04Stop Số lượng: 01 Số điểm dừng: 04 Tải trọng (kg): 3000 Vận tốc định mức (m/s): 01 Thời gian vận hành lần đầu: tháng 11 năm 2019 Độ cao hành trình: 16.200 mm	1	2	10	
3.5.1	Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully				
3.5.2	Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm tra, yểm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...				
3.5.3	Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...				
3.5.4	Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.				
3.5.5	Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích				

STT	Nội dung công việc	Số lượng thang máy	Số lần thực hiện (trong 1 năm)	Nhân sự tối thiểu/lần thực hiện	Ghi chú
3.5.6	Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càng thắng, công tắc thắng				
3.5.7	Các dây dẫn, bộ encoder				
3.5.8	- Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa - Đèn hiển thị, nút nhấn				
3.5.9	Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)				
3.5.10	Độ sáng và sự tác động của photocell				
3.5.11	Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ				
3.5.12	Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...				
3.5.13	Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail.				
3.5.14	- Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có) - Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung				
3.5.15	Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...				
3.5.16	Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị				
3.5.17	Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...				
3.5.18	Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor				
3.5.19	Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded				
3.5.20	Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng				
3.5.21	Kiểm tra tình trạng động cơ quạt				
3.5.22	Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động				
3.5.23	Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.				
3.5.24	Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)				

I.2	VẬT TƯ TIÊU HAO				
STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng/lần bảo dưỡng	Số lần bảo dưỡng	Số lượng cả năm
1	Vật tư tiêu hao phục vụ kiểm tra, bảo dưỡng thang máy 1 tháng 1 lần				
1.1	Thang máy Nhà Admin				
1.1.1	Vải lau cotton màu	Kg	2	12	24
1.1.2	Giấy nhám A320	Tờ	20	12	240
1.1.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	3	12	36
1.1.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	2	12	24
1.1.5	Băng keo cách điện	Cuộn	2	12	24
1.1.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	5	12	60
1.1.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	1	12	12
1.1.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	12	36
1.1.9	Chổi bông cỏ	Cây	4	12	48
1.1.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	12	60
1.1.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	12	12
1.1.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	12	60
1.1.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	5	12	60
1.2	Thang máy lò S1			12	
1.2.1	Vải lau cotton màu	Kg	5	12	60
1.2.2	Giấy nhám A320	Tờ	40	12	480
1.2.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	4	12	48
1.2.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	4	12	48
1.2.5	Băng keo cách điện	Cuộn	3	12	36
1.2.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	10	12	120
1.2.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	4	12	48
1.2.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	12	36
1.2.9	Chổi bông cỏ	Cây	5	12	60
1.2.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	12	60
1.2.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	12	12
1.2.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	12	60
1.2.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	10	12	120
1.3	Thang máy lò S2				
1.3.1	Vải lau cotton màu	Kg	5	12	60
1.3.2	Giấy nhám A320	Tờ	40	12	480
1.3.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	4	12	48
1.3.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	4	12	48
1.3.5	Băng keo cách điện	Cuộn	3	12	36
1.3.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	10	12	120
1.3.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	4	12	48
1.3.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	12	36
1.3.9	Chổi bông cỏ	Cây	5	12	60
1.3.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	12	60
1.3.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	12	12
1.3.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	12	60
1.3.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	10	12	120
1.4	Thang máy ống khói			12	
1.4.1	Vải lau cotton màu	Kg	5	12	60

1.4.2	Giấy nhám A320	Tờ	40	12	480
1.4.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	4	12	48
1.4.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	4	12	48
1.4.5	Băng keo cách điện	Cuộn	3	12	36
1.4.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	10	12	120
1.4.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	4	12	48
1.4.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	12	36
1.4.9	Chổi bông cỏ	Cây	5	12	60
1.4.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	12	60
1.4.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	12	12
1.4.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	12	60
1.4.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	10	12	120
1.5	Thang máy nhà CCB				
1.5.1	Vải lau cotton màu	Kg	2	12	24
1.5.2	Giấy nhám A320	Tờ	20	12	240
1.5.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	3	12	36
1.5.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	2	12	24
1.5.5	Băng keo cách điện	Cuộn	2	12	24
1.5.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	5	12	60
1.5.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	1	12	12
1.5.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	12	36
1.5.9	Chổi bông cỏ	Cây	4	12	48
1.5.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	12	60
1.5.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	12	12
1.5.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	12	60
1.5.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	5	12	60
2	Vật tư tiêu hao phục vụ kiểm tra, bảo dưỡng thang máy 3 tháng 1 lần				
2.1	Thang máy Nhà Admin				
2.1.1	Vải lau cotton màu	Kg	5	2	10
2.1.2	Giấy nhám A320	Tờ	20	2	40
2.1.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	3	2	6
2.1.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	2	2	4
2.1.5	Băng keo cách điện	Cuộn	2	2	4
2.1.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	5	2	10
2.1.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	1	2	2
2.1.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	2	6
2.1.9	Chổi bông cỏ	Cây	4	2	8
2.1.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	2	10
2.1.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	2	2
2.1.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	2	10
2.1.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	5	2	10
2.2	Thang máy lò S1				
2.2.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
2.2.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
2.2.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	5	2	10
2.2.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	5	2	10
2.2.5	Băng keo cách điện	Cuộn	5	2	10
2.2.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	10	2	20
2.2.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Thùng	2	2	4

2.2.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	5	2	10
2.2.9	Chổi bông cỏ	Cây	8	2	16
2.2.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	10	2	20
2.2.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	5	2	10
2.2.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	10	2	20
2.2.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	10	2	20
2.3	Thang máy lò S2				
2.3.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
2.3.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
2.3.3	Chai xịt nhà ri sét WD40	Chai	5	2	10
2.3.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	5	2	10
2.3.5	Băng keo cách điện	Cuộn	5	2	10
2.3.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	10	2	20
2.3.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	2	2	4
2.3.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	5	2	10
2.3.9	Chổi bông cỏ	Cây	8	2	16
2.3.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	10	2	20
2.3.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	5	2	10
2.3.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	10	2	20
2.3.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	10	2	20
2.4	Thang máy ống khói				
2.4.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
2.4.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
2.4.3	Chai xịt nhà ri sét WD40	Chai	5	2	10
2.4.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	5	2	10
2.4.5	Băng keo cách điện	Cuộn	5	2	10
2.4.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	10	2	20
2.4.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	2	2	4
2.4.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	5	2	10
2.4.9	Chổi bông cỏ	Cây	8	2	16
2.4.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	10	2	20
2.4.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	5	2	10
2.4.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	10	2	20
2.4.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	10	2	20
2.5	Thang máy nhà CCB				
2.5.1	Vải lau cotton màu	Kg	5	2	10
2.5.2	Giấy nhám A320	Tờ	20	2	40
2.5.3	Chai xịt nhà ri sét WD40	Chai	3	2	6
2.5.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	2	2	4
2.5.5	Băng keo cách điện	Cuộn	2	2	4
2.5.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	5	2	10
2.5.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	1	2	2
2.5.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	3	2	6
2.5.9	Chổi bông cỏ	Cây	4	2	8
2.5.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	5	2	10
2.5.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1	2	2
2.5.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	5	2	10
2.5.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	5	2	10
3	Vật tư tiêu hao phục vụ kiểm tra, bảo dưỡng thang máy 6 tháng 1 lần				



3.1	Thang máy Nhà Admin				
3.1.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
3.1.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
3.1.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	10	2	20
3.1.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	10	2	20
3.1.5	Băng keo cách điện	Cuộn	10	2	20
3.1.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	20	2	40
3.1.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	5	2	10
3.1.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	10	2	20
3.1.9	Chổi bông cỏ	Cây	20	2	40
3.1.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	20	2	40
3.1.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	10	2	20
3.1.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	20	2	40
3.1.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	20	2	40
3.2	Thang máy lò S1				
3.2.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
3.2.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
3.2.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	10	2	20
3.2.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	10	2	20
3.2.5	Băng keo cách điện	Cuộn	10	2	20
3.2.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	20	2	40
3.2.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	5	2	10
3.2.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	10	2	20
3.2.9	Chổi bông cỏ	Cây	20	2	40
3.2.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	20	2	40
3.2.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	10	2	20
3.2.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	20	2	40
3.2.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	20	2	40
3.3	Thang máy lò S2				
3.3.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
3.3.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
3.3.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	10	2	20
3.3.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	10	2	20
3.3.5	Băng keo cách điện	Cuộn	10	2	20
3.3.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	20	2	40
3.3.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	5	2	10
3.3.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	10	2	20
3.3.9	Chổi bông cỏ	Cây	20	2	40
3.3.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	20	2	40
3.3.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	10	2	20
3.3.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	20	2	40
3.3.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	20	2	40
3.4	Thang máy ống khói				
3.4.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
3.4.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
3.4.3	Chai xịt nhả rỉ sét WD40	Chai	10	2	20
3.4.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịt	10	2	20
3.4.5	Băng keo cách điện	Cuộn	10	2	20
3.4.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	20	2	40
3.4.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	5	2	10
3.4.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	10	2	20

3.4.9	Chổi bông cỏ	Cây	20	2	40
3.4.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	20	2	40
3.4.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	10	2	20
3.4.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	20	2	40
3.4.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	20	2	40
3.5	Thang máy nhà CCB				
3.5.1	Vải lau cotton màu	Kg	10	2	20
3.5.2	Giấy nhám A320	Tờ	50	2	100
3.5.3	Chai xịt rửa ri sét WD40	Chai	10	2	20
3.5.4	Dây rút nhựa 5x300	Bịch	10	2	20
3.5.5	Băng keo cách điện	Cuộn	10	2	20
3.5.6	Cọ sơn 3,8cm (1½")	Cái	20	2	40
3.5.7	Chất bôi trơn dây xích và cáp (Chain and Cable Lubricant)	Chai	5	2	10
3.5.8	Băng keo giấy, bản 48mm	Cuộn	10	2	20
3.5.9	Chổi bông cỏ	Cây	20	2	40
3.5.10	Găng tay len phủ hạt nhựa	Đôi	20	2	40
3.5.11	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	10	2	20
3.5.12	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Cái	20	2	40
3.5.13	Túi rác phân hủy sinh học KT 64x78 cm	Cuộn	20	2	40



II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

- Địa điểm: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

III. YÊU CẦU CHUNG:

- Tiến độ thực hiện: Định kỳ hàng tháng, thời gian thực hiện 12 tháng;
- Phạm vi nêu trên bao gồm xử lý sự cố, bất thường.
- Thiết bị, Công cụ dụng cụ thi công, vật tư: Nhà thầu tự trang bị công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao đáp ứng yêu cầu công việc theo yêu cầu của chủ đầu tư (Không bao gồm vật tư thay thế);
- Nhà thầu phải cung cấp phương án thi công và checklist các hạng mục công việc bảo trì, bảo dưỡng;
- Trong quá trình bảo dưỡng, kiểm tra Nhà thầu phát hiện các vật tư hư hỏng hoặc có nguy cơ gây ra sự cố về hoạt động của thang máy, Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư về sự việc này và đề xuất giải pháp xử lý, vật tư thay thế.
- Phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, dây an toàn trước khi thực hiện công tác;
- Nhà thầu phải tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, của Chủ đầu tư về phòng chống cháy nổ.
- Nhà thầu cam kết có đủ trang thiết bị, công cụ dụng cụ để thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, xử lý sự cố các thang máy tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Khi có sự cố, bất thường nhân viên kỹ thuật của Nhà thầu phải có mặt tại hiện trường không quá 48 giờ, kể từ khi Chủ đầu tư thông báo sự cố cho Nhà thầu.